

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...C..... Ngày: ...08/12.....

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của
Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của
Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 9, Điều 17, Điều 21 và Điều 35 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật về cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật; công bố dịch hại thực vật; kinh phí chống dịch; tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật tại Việt Nam.

Điều 3. Hệ thống cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật

1. Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật trên toàn quốc.

2. Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật nội địa và quản lý thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương.

3. Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) trực thuộc cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ được giao trên địa bàn cấp huyện và phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật nội địa và quản lý thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn cấp huyện.

4. Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở địa phương hoạt động theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II **CÔNG BỐ DỊCH HẠI THỰC VẬT,** **KINH PHÍ CHỐNG DỊCH**

Điều 4. Điều kiện công bố dịch hại thực vật

1. Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

a) Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

b) Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

2. Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

Điều 5. Trình tự, thủ tục công bố dịch hại thực vật

1. Trình tự, thủ tục công bố dịch hại thực vật

a) Căn cứ vào quy định tại Điều 4 Nghị định này, cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở cấp tỉnh trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào báo cáo của thủ trưởng cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch;

c) Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

2. Quyết định công bố dịch hại thực vật

a) Nội dung của quyết định công bố dịch bao gồm: Sinh vật gây hại thực vật, đối tượng bị hại, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch, hiệu lực của quyết định;

b) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 6. Trình tự, thủ tục công bố hết dịch hại thực vật

1. Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở cấp tỉnh trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Nội dung của báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch bao gồm: Tình hình diễn biến dịch và dự báo xu hướng phát triển của sinh vật gây hại; các biện pháp khắc phục hậu quả do dịch gây ra, ổn định đời sống và khôi phục sản xuất; các biện pháp quản lý sinh vật gây hại bền vững; cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn của việc đề xuất công bố hết dịch.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào báo cáo của thủ trưởng cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch.

4. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

Điều 7. Kinh phí chống dịch hại thực vật

1. Nguồn kinh phí chống dịch hại thực vật

- a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành;
- b) Kinh phí của tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hoặc trực tiếp quản lý chủ thực vật;
- c) Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức quốc tế và các nguồn hợp pháp khác.

2. Đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chống dịch hại thực vật:

- a) Chủ thực vật có thực vật bị thiệt hại do dịch hại gây ra hoặc buộc phải áp dụng biện pháp chống dịch theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;